

Số : 2068 /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 9 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy hoạch phân khu Khu dân cư đường Nguyễn Tử Lực - Trần Đại Nghĩa, Phường 8, TP.Đà Lạt, tỷ lệ 1/2.000**

TP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP. ĐÀ LẠT

**CÔNG VĂN BẢN**

Số: 1016

Ngày 20 tháng 9 năm 2015

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Lưu HC*

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2008 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phục cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Xét văn bản số 74/XD-KTQH ngày 11/7/2014 và văn bản số 124/SXD-QHKT ngày 08/9/2015 của Sở Xây dựng về việc thẩm định thiết kế quy hoạch phân khu Khu dân cư đường Nguyễn Tử Lực - Trần Đại Nghĩa, phường 8, TP.Đà Lạt,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch phân khu Khu dân cư đường Nguyễn Tử Lực - Trần Đại Nghĩa, phường 8, Tp.Đà Lạt, tỷ lệ 1/2000 với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên đồ án quy hoạch:** quy hoạch phân khu Khu dân cư đường Nguyễn Tử Lực - Trần Đại Nghĩa, phường 8, Tp.Đà Lạt.

**2. Phạm vi quy hoạch:**

a) Vị trí: phường 8, thành phố Đà Lạt.

b) Giới cận:

- Phía bắc: giáp đường vòng Lâm Viên và đường Mai Anh Đào.

- Phía Nam: giáp vườn hoa thành phố Đà Lạt và nhà thờ giáo xứ Thiện

Lâm.

- Phía Đông: giáp dự án khu dân cư số 01 và công ty Hasfarm.
- Phía Tây: giáp phân khu Phù Đổng Thiên Vương - Mai Anh Đào - Vạn Hạnh - Mai Xuân Thưởng, phường 8 (B5) và phân khu Phù Đổng Thiên Vương - Vạn Hạnh - Mai Xuân Thưởng - Võ Trường Toản, phường 8 (B7).

### 3. Quy mô quy hoạch:

#### a) Quy mô diện tích:

- Diện tích lập quy hoạch: 834.854 m<sup>2</sup>. Trong đó:

- + Đất ở : 474.176 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 56,8%.
- + Đất công trình công cộng : 42.450 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 5,1%.
- + Đất công viên cây xanh : 6.821 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 0,8%.
- + Đất dự án : 68.989 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 8,2%.
- + Đất giao thông - bãi xe : 209.223 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 25,1%.
- + Đất cây xanh khác : 33.195 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 4%.

b) Quy mô dân số: 8000-9000 người.

### 4. Nội dung quy hoạch:

#### a) Quy hoạch sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan:

- Đất công trình công cộng: tổng diện tích đất 42.450 m<sup>2</sup>, quy hoạch các công trình y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, cụ thể theo bảng sau:

Ký hiệu	Loại đất	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng (%)
1	Trạm y tế	2.729	40
2	Nhà trẻ - mẫu giáo xây mới	4.718	40
3	Nhà trẻ - mẫu giáo (trường mầm non 8) cải tạo	3.645	40
4	Khu thể dục thể thao	27.584	40
5	Công trình tôn giáo (Miếu Mai Xuân Thưởng hiện trạng)	473	25
HT1	Hội trường khu phố	1.097	40
HT2	Hội trường khu phố	1.004	40
HT3	Hội trường khu phố	1.200	40
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>42.450</b>	

- Đất cây xanh công viên: tổng diện tích đất 40.016 m<sup>2</sup>, quy hoạch công viên cây xanh, taluy trồng cỏ và cây xanh tại các công trình giao thông. Cụ thể theo bảng sau:

Ký hiệu	Loại đất	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao
X1	Cây xanh công viên	4.436	5	1
X2	Cây xanh công viên	2.385	5	1
	Cây xanh khác (taluy trồng cỏ và cây xanh tại các công trình giao thông).	33.195		
	Tổng cộng	40.016		

- Đất ở : tổng diện tích là 474.176 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Đất ở nhà biệt lập: được xây mới, quy hoạch chỉnh trang và quỹ đất dự trữ nhà ở xã hội (bao gồm diện tích mở rộng khu quy hoạch Nguyễn Tử Lực - Trần Anh Tông), tổng diện tích 420.081 m<sup>2</sup>.

+ Đất ở liên kế sân vườn: được quy hoạch chỉnh trang, tổng diện tích 33.688 m<sup>2</sup>.

+ Đất ở trung tâm kết hợp thương mại, dịch vụ: tổng diện tích 20.407 m<sup>2</sup>.

+ Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của các hạng mục công trình xây dựng trên đất ở cụ thể theo bảng sau:

STT	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )		Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )
			Xây mới	Chỉnh trang			
<b>Đất ở</b>							
1	Khu A1	Đất ở biệt lập (quỹ đất dự trữ nhà ở xã hội)	13.207		40	2~3	5.282,8
2	Khu A2	Đất ở biệt lập (quỹ đất dự trữ nhà ở xã hội)	5.610		40	2~3	2.244,0
3	Khu A3	Đất ở biệt lập (quỹ đất dự trữ nhà ở xã hội)	13.964		40	2~3	5.585,6
4	Khu B1	Đất ở biệt lập	6.216		40	3	2.486,4
5	Khu B2A	Đất ở biệt lập		15.267	50	3	7.633,5
6	Khu B2B	Đất ở biệt lập	17.185		40	3	6.874,0
7	Khu B3A	Đất ở biệt lập		6.352	50	2~3	3.176,0
8	Khu B3B	Đất ở biệt lập	6.229		40	2	2.491,6
9	Khu C1A	Đất ở biệt lập		8.489	50	2~3	4.244,5
10	Khu C1B	Đất ở biệt lập	7.014		40	2~3	2.805,6
11	Khu C2	Đất ở biệt lập (quỹ đất dự trữ nhà ở xã hội)	14.228		40	2~3	5.691,2

12	Khu C3	Đất ở biệt lập (quỹ đất dự trữ nhà ở xã hội)	16.785	40	2~3	6.714,0
13	Khu C4	Đất ở biệt lập	2.719	50	2~3	1.359,5
14	Khu C5A	Đất ở biệt lập	3.352	50	2~3	1.676,0
15	Khu C5B	Đất ở biệt lập	4.480	40	2~3	1.792,0
16	Khu D1	Đất ở biệt lập	19.831	40	2~3	7.932,4
17	Khu D2	Đất ở biệt lập	16.744	50	2~3	8.372,0
18	Khu D3	Đất ở biệt lập	10.502	40	2~3	4.200,8
19	Khu D4A	Đất ở biệt lập	9.573	50	2~3	4.786,5
20	Khu D4B	Đất ở biệt lập	11.083	40	2~3	4.433,2
21	Khu D5A	Đất ở biệt lập	6.229	50	2~3	3.114,5
22	Khu D5B	Đất ở biệt lập	4.760	40	2	1.904,0
23	Khu D6	Đất ở biệt lập	13.964	50	2	6.982,0
24	Khu D7A	Đất ở biệt lập	8.510	50	2~3	4.255,0
25	Khu D7B	Đất ở biệt lập	7.054	40	2~3	2.821,6
26	Khu E1	Đất ở biệt lập	3.965,0	40	2~3	1.586,0
27	Khu E2A	Đất ở biệt lập	5.424	50	2~3	2.712,0
28	Khu E2B	Đất ở biệt lập	5.455	40	2	2.182,0
29	Khu E3	Đất ở biệt lập	15.091	40	2~3	6.036,4
30	Khu E4A	Đất ở biệt lập	4.169	50	2~3	2.084,5
31	Khu E4B	Đất ở biệt lập	4.063	40	2	1.625,2
32	Khu E5	Đất ở biệt lập	9.788	40	2	3.915,2
33	Khu E6A	Đất ở biệt lập	2.433	50	2~3	1.216,5
34	Khu E6B	Đất ở biệt lập	2.370	40	2,0	948,0
35	Khu E7	Đất ở biệt lập	5.411	40	2~3	2.164,4
36	Khu F1	Đất ở biệt lập	13.119	50	2~3	6.559,5
37	Khu F2	Đất ở biệt lập	9.455	40	2	3.782,0
38	Khu F3	Đất ở liên kế sân vườn	10.013	80	3	8.010,4
39	Khu F4A	Đất ở biệt lập	8.563	50	2~3	4.281,5
40	Khu F4B	Đất ở biệt lập	8.526	40	2	3.410,4
41	Khu F5A	Đất ở biệt lập	4.364	50	2~3	2.182,0
42	Khu F5B	Đất ở biệt lập	3.696	40	2	1.478,4
43	Khu F6A	Đất ở biệt lập	5.144	50	2~3	2.572,0
44	Khu F6B	Đất ở biệt lập	4.634	40	2~3	1.853,6
45	Khu F7A	Đất ở biệt lập	5.563	50	2~3	2.781,5
46	Khu F7B	Đất ở biệt lập	5.174	40	2	2.069,6
47	Khu F8	Đất ở biệt lập	5.507	50	3	2.753,5
48	Khu G1	Đất ở liên kế	7.248	80	3	5.798,4

		sân vườn					
49	Khu G2	Đất ở liên kế sân vườn		16.427	80	3	13.141,6
50	Khu G3A	Đất ở biệt lập		9.063	50	3	4.531,5
51	Khu G3B	Đất ở biệt lập	8.830		40	2	3.532,0
52	Khu G4	Đất ở biệt lập	20.927		40	2	8.370,8
53	Khu H	Đất ở trung tâm - kết hợp thương mại dịch vụ	14.229		80	4	11.383,2
a	Khu H1	Đất ở liên kế	2.838		80	4	2.270,4
b	Khu H2	phố có khoảng	3.858		80	4	3.086,4
c	Khu H3	lùi (phần đất	3.458		80	4	2.766,4
d	Khu H4	khoảng lùi không được làm hàng rào)	4.075		80	4	3.260,0
54	Khu I	Đất ở trung tâm - kết hợp thương mại dịch vụ	6.178		80	4	4.942,4
a	Khu I1	Đất ở liên kế	3.284		80	4	2.627,2
b	Khu I2	phố có khoảng lùi (phần đất khoảng lùi không được làm hàng rào)	2.894		80	4	2.315,2
		<b>Tổng cộng</b>	<b>201.739</b>	<b>188.236</b>			<b>226.763,2</b>

- Đất giao thông đô thị và khu ở: tổng diện tích mặt đường 124.750 m<sup>2</sup>, cụ thể:

STT	Loại đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường (m)	Diện tích mặt đường (m <sup>2</sup> )
1	Đường trục chính	24	756,6	6 + 12 + 6	9.079,20
2	Đường trục chính	20	2.022,00	4 + 12 + 4	24.264,00
3	Đường nội bộ	14	2.526,60	3 + 8 + 3	20.212,80
4	Đường nội bộ	10	11.122,10	2 + 6 + 2	66.732,60
5	Đường nội bộ	6	92,2	1 + 4 + 1	368,8
6	Bãi đậu xe P1 và P2				3.478,00
	<b>Tổng cộng</b>		<b>16.519,50</b>		<b>124.135,40</b>

**b) Các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc công trình xây dựng:**

- Đối với nhà ở biệt lập:

+ Mật độ xây dựng:  $\leq 50\%$  đối với trường hợp đất ở chỉnh trang và  $\leq 40\%$  đối với trường hợp đất ở xây dựng mới..

+ Tầng cao: Tối đa 03 tầng (không kể 01 tầng bán hầm - nếu có, do chênh lệch địa hình tự nhiên) áp dụng cho nhà ở tại các trục đường có lộ giới  $\geq 12\text{m}$  và tối đa 02 tầng (không kể 01 tầng bán hầm - nếu có, do chênh lệch địa hình tự nhiên) áp dụng cho nhà ở tại các trục đường có lộ giới  $< 12\text{ m}$ .

+ Khoảng lùi công trình: các khu nhà ở giáp đường Nguyễn Tử Lực, Mai Anh Đào, đường vòng Lâm Viên và đường có lộ giới 30m thì cách lộ giới  $\geq 6,0\text{ m}$  và cách ranh đất còn lại  $\geq 2,0\text{ m}$ . Các khu nhà ở còn lại cách lộ giới  $\geq 3,0\text{ m}$  và ranh đất còn lại  $\geq 2,0\text{ m}$ .

+ Hình thức mái công trình: Mái dốc, lợp ngói.

- Đối với nhà ở liên kế có sân vườn:

+ Mật độ xây dựng:  $\leq 80\%$ .

+ Tầng cao:  $\leq 03$  tầng (không kể 01 tầng bán hầm - nếu có, do chênh lệch địa hình tự nhiên).

+ Khoảng lùi công trình: cách lộ giới  $\geq 2,4\text{ m}$ , cách ranh đất phía sau  $\geq 1,0\text{m}$ .

- Đối với nhà ở tại khu vực đất trung tâm kết hợp thương mại - dịch vụ:

+ Mật độ xây dựng:  $\leq 80\%$ .

+ Tầng cao:  $\leq 04$  tầng (không kể 01 tầng bán hầm - nếu có, do chênh lệch địa hình tự nhiên).

+ Khoảng lùi (theo quy hoạch là đất công cộng, chủ đầu tư không xây dựng công rào để đảm bảo không gian chung cho kiến trúc đô thị), gồm:

Khu H: cách lộ giới  $\geq 06\text{ m}$  (đường Nguyễn Tử Lực, Cù Chính Lan) và cách lộ giới  $\geq 2,4\text{ m}$  (các trục đường còn lại).

Khu I1: cách lộ giới  $\geq 06\text{ m}$  (đường Nguyễn Tử Lực) cách lộ giới  $\geq 2,4\text{ m}$  (các trục đường còn lại).

Khu I2: cách lộ giới  $\geq 2,4\text{ m}$ .

- Đối với các công trình công cộng:

+ Kiến trúc và tầng cao: theo phương án của dự án được duyệt.

+ Khoảng lùi: cách lộ giới  $\geq 06\text{ mét}$ , cách ranh đất còn lại  $\geq 02\text{ mét}$ .

+ Mật độ xây dựng:  $\leq 40\%$ .

### **c) Các giải pháp kỹ thuật hạ tầng chủ yếu:**

#### **- Về san nền:**

+ Yêu cầu khi thiết kế san lấp, phải hạn chế thấp nhất việc phá vỡ địa hình tự nhiên, không xâm hại đến môi trường, cảnh quan khu vực.

+ Đối với những vị trí đất thuộc khu quy hoạch xây dựng mới, nếu cần thiết phải san gạt cục bộ để tạo mặt bằng xây dựng thì cốt nền san gạt phải bám theo cốt tim đường hiện trạng hoặc cốt đường quy hoạch mới.

+ Trong quá trình triển khai quy hoạch chi tiết, thiết kế công trình phải triệt để tận dụng địa hình tự nhiên. Trường hợp phải san gạt địa hình thì chỉ được san gạt cục bộ tại từng vị trí đặt công trình, cân bằng diện tích đất đào đắp cho phù hợp.

#### **- Về giao thông: nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến đường trong đó:**

+ Giao thông đối ngoại: phía Bắc đầu nối vào đường Mai Anh Đào bằng đường có lộ giới 24m, phía Đông đầu nối vào khu dân cư số 1 bằng 02 đường có lộ giới 30m (đường Cù Chính Lan và đường giao thông của khu ở số 1) và đường Mai Xuân Thường (lộ giới 20m); phía Nam theo tuyến đường Nguyễn Tử Lực (lộ giới 20m) đi về Hồ Xuân Hương; phía Tây kết nối phân khu Phù Đồng Thiên Vương - Mai Anh Đào - Vạn Hạnh - Mai Xuân Thường (B5) bằng đường Mai Xuân Thường (lộ giới 14m) và kết nối phân khu Phù Đồng Thiên Vương - Vạn Hạnh - Mai Xuân Thường - Võ Trường Toản (B7) bằng đường Võ Trường Toản (lộ giới 14m).

+ Giao thông đối nội: đảm bảo khả năng tiếp cận từ bên ngoài, bám sát địa hình tự nhiên và tận dụng tối đa tuyến giao thông hiện có đi đến các khu chức năng bằng các tuyến đường có lộ giới 14m, 10m, 6m.

#### **- Về cấp điện và chiếu sáng công cộng:**

+ Tổng công suất phụ tải điện tính toán là 9.798,8 KVA.

+ Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch là trạm 110/22KV - 40MVA Đà Lạt 2, được đầu nối rẽ nhánh với lưới điện trung thế 22KV hiện hữu đi dọc theo đường Mai Anh Đào, đường vòng Lâm Viên, đường Nguyễn Tử Lực.... Dự kiến có 08 tuyến 22KV đầu nối rẽ nhánh để cấp điện cho khu quy hoạch. Lưới điện trung thế 22KV xây dựng mới được thiết kế đi ngầm dọc theo hành lang của các đường nội bộ trong khu quy hoạch, cấp điện đến các trạm biến áp cho từng khu vực một.

+ Đường dây hạ thế 0,4KV được thiết kế đi ngầm dọc theo hành lang đường nội bộ trong khu quy hoạch, lấy điện từ các trạm biến áp hạ thế đưa đến từng phụ tải tiêu thụ điện.

+ Đường dây chiếu sáng công cộng lấy điện từ trạm biến áp khu vực, đóng ngắt tự động theo thời gian.

+ Các trạm biến áp là loại trạm hợp bộ 22/0,4KV được lắp đặt tại từng cụm phụ tải với bán kính cấp điện tối đa là 250m để đảm bảo chất lượng cấp điện.

**- Về cấp nước và phòng cháy chữa cháy:**

+ Tổng lưu lượng dùng nước sinh hoạt theo tính toán 2.852 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Do hệ thống đường giao thông hiện trạng được cải tạo mở rộng, dịch chuyển đường, nên hệ thống đường ống cấp nước hiện trạng sẽ dịch chuyển đi dọc theo đường quy hoạch cải tạo mới. Xây dựng hệ thống đường ống cấp nước trên các trục đường quy hoạch mới. Hệ thống đường ống cấp nước mới sẽ đầu nối vào hệ thống đường ống cấp nước hiện trạng.

+ Dự kiến xây dựng một tuyến ống cấp nước chính mới đầu nối vào ống cấp nước D500 tại vị trí vườn hoa thành phố, theo tuyến đường Nguyễn Tử Lực để cấp nước cho khu quy hoạch.

+ Bố trí các trụ chữa cháy dọc theo các trục đường giao thông theo quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy.

**- Về thoát nước:**

+ Nước mưa và nước mặt: thu gom qua hệ thống mương cống chung của khu vực, dẫn về các hố ga lắng cục bộ và có lưới chắn rác trước khi thải trực tiếp ra suối tự nhiên hoặc ra hệ thống thu gom của thành phố hiện có trong khu quy hoạch.

+ Nước thải sinh hoạt: thu gom và xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại tại chỗ sau đó theo các đường cống chính tự chảy về trạm xử lý tập trung có công suất xử lý khoảng 3500 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành trước khi đầu nối hệ thống thoát nước mưa.

**- Vệ sinh môi trường:**

+ Rác thải từ các khu chức năng phải được tổ chức phân loại, thu gom thường xuyên trong ngày, sau đó chuyển đến điểm tập kết tại từng khu vực đưa đi xử lý theo quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Chất lượng không khí, tiếng ồn, tài nguyên đất, nước mặt, nước ngầm phải đảm bảo theo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành về vệ sinh môi trường trong quá trình thi công và hoàn thành đưa công trình trong khu quy hoạch vào hoạt động.

**d) Các giải pháp quy hoạch giảm thiểu tác động môi trường:**

- Duy trì và phát triển tỷ lệ đất công viên - cây xanh, cân bằng diện tích đất rừng và bảo vệ tài nguyên cảnh quan.

- Xây dựng các khu nhà biệt lập, liên kế sân vườn bám theo địa hình tự nhiên và hệ thống hạ tầng được đầu tư đồng bộ để trở thành khu dân cư khang trang, sạch sẽ, nước thải sinh hoạt và nước mưa thu gom và xử lý theo các quy định hiện hành.

- Hạn chế tối đa việc khoan nước ngầm, chôn lấp rác.

- Thường xuyên thu gom bụi bẩn, đất cát trên đường và phun nước chống bụi trên các tuyến đường, tổ chức thu gom và xử lý rác đúng quy định.

#### **đ) Hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:**

- Hạng mục ưu tiên:

+ Đầu tư các bãi đậu xe, hệ thống giao thông và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

+ Cải tạo các hồ, suối và mương thoát nước trong khu vực quy hoạch.

+ Tiếp tục quản lý bảo vệ rừng cây xanh và trồng thêm cây xanh đường phố theo quy hoạch.

- Nguồn lực:

+ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước;

+ Các nguồn viện trợ, đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước;

+ Thông qua cơ chế, chính sách thu hút đầu tư dự án; đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá - thể thao...

+ Khai thác các quỹ đất và các nguồn lực khác để tạo vốn xây dựng hệ thống hạ tầng.

(Đính kèm bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 do công ty Kiến trúc Lâm Đồng lập và được Sở Xây dựng thẩm định tại văn bản số 74/SXD-KTQH ngày 11/7/2014 và văn bản số 124/SXD-QHKT ngày 08/9/2015).

#### **Điều 2.**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt có trách nhiệm:

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, tổ chức công bố quy hoạch được duyệt bằng nhiều hình thức (tổ chức hội nghị công bố tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; trưng bày công khai thường xuyên bản vẽ tại nơi công cộng, tại cơ quan quản lý quy hoạch, Ủy ban nhân dân phường 8...) để các tổ chức cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

- Tổ chức việc thực hiện cấm mốc xây dựng ngoài thực địa và chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày quy hoạch được công bố, phải hoàn thành việc cấm mốc chỉ giới xây dựng này.

- Quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hoàn chỉnh quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng các nội dung thẩm định và những yêu cầu của cơ quan thẩm định tại văn bản số 74/SXD-KTQH ngày 11/7/2014 và văn bản số 124/SXD-QHKT ngày 08/9/2015.

3. Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt với chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp và quản lý, thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông Vận tải; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Giám đốc Trung tâm phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố Đà Lạt, Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Website văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học;
- Lưu: VT, XD<sub>2</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đoàn Văn Việt**